TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuỷ và bà Lê Thị Hoàng Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 285/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Kiều T, sinh năm: 1989; địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 048189007001, cấp ngày: 28/6/2021 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Viết Q, sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; số định danh cá nhân: 048084008261 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2024, bản tự khai ghi ngày 20/01/2025 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị Kiều T trình bày:

Bà Lê Thị Kiều T và ông Nguyễn Viết Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng vào ngày 31/10/2008 (số đăng ký: 136/2008, quyển số: 02/2008). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống, giữa hai bên đã tồn tại nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Q ngoại tình, không chăm lo cho vợ con dù bà T đang bị bệnh hiểm nghèo dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn chăm sóc cho nhau, phần ai nấy sống đã 02 năm nay dù sống trong cùng một nhà. Nay bà T xác định không còn tình cảm,

mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Q.

Về con chung, bà T xác định có 02 con chung tên Nguyễn Kiều Bảo A – sinh ngày: 22/02/2009 và Nguyễn Viết T1 - sinh ngày: 08/11/2015. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Viết T1, giao con chung Nguyễn Kiều Bảo A cho ông Q nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Viết Q không trình bày ý kiến, không đến Toà án để tham gia tố tụng dù đã được Toà án cấp, tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng cho các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết nội dung vụ án*: Căn cứ các Điều 51, 56, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Thị Kiều T được ly hôn ông Nguyễn Viết Q, giao mỗi người nuôi 01 con chung theo yêu cầu của bà T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Buộc bà T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Lê Thị Kiều T và ông Nguyễn Viết Q đã tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 136/2008, quyển số: 02/2008 vào ngày 31/10/2008. Bị đơn ông Nguyễn Viết Q hiện đang cư trú tại huyện H, thành phố Đà Nẵng. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông Q về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Nguyễn Viết Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung giải quyết*: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Kiều T và ông Nguyễn Viết Q là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên đời sống chung không còn hạnh phúc, bà T không muốn tiếp đời sống chung. Theo bà T khai, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau đã 02 năm nay dù sống trong cùng một nhà là do ông Q ngoại tình, không chăm lo cho vợ con, bỏ mặc khi bà T bị bệnh hiểm nghèo và đang điều trị.

[4] Qua xác minh tại địa phương nơi bị đơn đang cư trú vào ngày 24/12/2024 thể hiện vợ chồng bà T hiện vẫn còn cư trú tại địa phương, mâu thuẫn trong gia đình thì địa phương không hay biết. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà T kiên quyết xin được ly hôn, còn ông Q không đến Tòa án, điều này thể hiện bị đơn không còn mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Như vậy, lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, sự mâu thuẫn giữa hai bên là đúng sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định đời sống hôn nhân của các đương sự đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Xét thấy yêu cầu ly hôn của bà T phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T ly hôn ông Q, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[5] *Về nuôi dưỡng con chung*: Bà T và ông Q có 02 con chung tên Nguyễn Kiều Bảo A – sinh ngày: 22/02/2009 và Nguyễn Viết T1 - sinh ngày: 08/11/2015. Hiện nay cả 02 con chung đang ở cùng bà T và ông Q. Bà T mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Viết T1 khi ly hôn, giao con chung Nguyễn Kiều Bảo A cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của bà T phù hợp với nguyện vọng của các con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn của bà T, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[6] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Bà T không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản đối với bên thứ ba*: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác nhận không có nghĩa vụ tài sản gì đối với bên thứ ba trong thời kỳ hôn nhân, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp nếu có tranh chấp thì các bên được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để yêu cầu giải quyết.

[8] *Về án phí:* Bà T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kiều T đối với ông Nguyễn Viết Q về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Kiều T ly hôn ông Nguyễn Viết Q.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Viết T1 - sinh ngày: 08/11/2015 cho bà Lê Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Nguyễn Kiều Bảo A – sinh ngày: 22/02/2009 cho ông Nguyễn Viết Q trực tiếp nuôi dưỡng; bà T và ông Q không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Kiều T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0002361 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng; như vậy, bà T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/3/2025). Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hoà Vang;
- CCTHADS huyện Hoà Vang;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.